

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hà Nội, tháng 07 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Dinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Tuyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

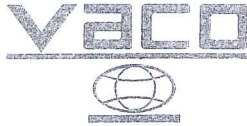
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2014



Số: 395 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04/07/2014, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thông tin báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại phần 4 - Ghi nhận giá vốn hàng bán của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận Giá vốn hàng bán trên cơ sở kết quả kiểm kê nguyên vật liệu trực tiếp dở dang và thành phẩm tồn kho. Nếu áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và Giá vốn của Công ty có thể thay đổi. Chúng tôi không thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra nhận xét về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 04 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận doanh thu đối với hoạt động in tem thuốc lá, tem rượu trên cơ sở biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên. Theo đó, hàng năm một vài lô hàng được xuất kho vào cuối năm nay (chưa có được biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên) sẽ được ghi nhận doanh thu vào năm sau tương ứng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Các vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình của nhà văn phòng chi nhánh tại số 132, đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 11.200.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cơ sở nhà xưởng gắn liền với quyền sử dụng đất số 05/HĐKT ngày 01/06/2001 với Bộ Quốc Phòng. Theo đó, Công ty chưa tách riêng giá trị quyền sử dụng đất để trình bày trên tài sản cố định vô hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu nhà cửa vật kiến trúc trong tài sản cố định hữu hình.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 12 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 5/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 đồng. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/6/2047. Công ty chưa tách riêng giá trị tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao.

Trong năm 2013, Công ty đang tạm trích quỹ lương theo Công văn số 348/BTC-TCĐN ngày 27/12/2012 về quy định tỷ lệ trích lương trong năm 2012 là 11,04% trên tổng doanh thu mà chưa có quyết định cụ thể về việc trích quỹ lương trong năm 2013. Vì vậy, giá trị quỹ tiền lương năm 2013 có thể sẽ thay đổi theo các quyết định ban hành sắp tới. Theo đó, khoản chi phí lương năm 2013 có thể thay đổi ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty ở thời điểm ban hành các quyết định về trích quỹ lương năm 2013.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0294-2013-156-1

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2014

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2991 Quyển số: 03 SCT/BS

Ngày: 29-09-2014

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG NGHĨA TÂN



CHỦ TỊCH
Vũ Thị Thủy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.765.723.089	94.301.411.039
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.527.325.062	34.365.395.284
1. Tiền	111		11.527.325.062	13.865.395.284
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	20.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.147.933.295	33.097.641.312
1. Phải thu khách hàng	131	6	45.758.130.052	25.107.053.188
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.128.824.866	9.856.421.599
3. Các khoản phải thu khác	135	8	5.253.139.890	126.328.038
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.992.161.513)	(1.992.161.513)
IV. Hàng tồn kho	140	9	30.229.805.886	25.492.688.094
1. Hàng tồn kho	141		30.229.805.886	25.492.688.094
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		860.658.846	1.345.686.349
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		534.047.437	610.578.563
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.131.529	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		211.479.880	172.684.598
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		108.194.799.146	92.633.723.110
I. Tài sản cố định	220		107.461.619.361	92.373.242.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	71.131.309.766	39.594.500.821
- Nguyên giá	222		273.427.709.198	236.116.070.586
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.296.399.432)	(196.521.569.765)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	16.603.401.088	23.982.693.088
- Nguyên giá	225		75.329.291.978	75.329.291.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(58.725.890.890)	(51.346.598.890)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.450.876.417	20.047.293.409
- Nguyên giá	228		24.520.849.261	24.520.849.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.069.972.844)	(4.473.555.852)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	276.032.090	8.748.754.798
II. Tài sản dài hạn khác	260		733.179.785	260.480.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		633.179.785	160.480.994
2. Tài sản dài hạn khác	268		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		211.960.522.235	186.935.134.149

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

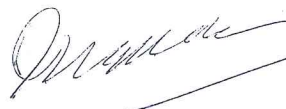
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		73.903.687.708	70.131.759.518
I. Nợ ngắn hạn	310		57.479.023.920	55.947.357.223
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	24.419.051.862	26.561.046.643
2. Phải trả người bán	312	15	13.365.200.683	11.381.563.662
3. Người mua trả tiền trước	313	16	1.222.493.395	2.077.211.731
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5.638.276.665	7.661.170.387
5. Phải trả người lao động	315		7.913.267.812	1.487.396.328
6. Chi phí phải trả	316		152.572.598	333.986.761
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		292.345.481	322.629.878
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.475.815.424	6.122.351.833
II. Nợ dài hạn	330		16.424.663.788	14.184.402.295
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	1.146.878.700	1.146.878.700
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	15.277.785.088	13.037.523.595
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		138.056.834.527	116.803.374.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	138.056.834.527	116.803.374.631
1. Vốn điều lệ	411		110.678.497.224	95.658.498.937
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.665.916.727	7.332.232.103
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.251.322.553	11.655.934.811
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		72.825.000	72.825.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.388.273.023	2.083.883.780
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		211.960.522.235	186.935.134.149

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013	01/01/2013
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công	19.051.420	228.574.230
2. Nợ khó đòi đã xử ký	80.838.470	80.838.470
3. Ngoại tệ (USD)	1.306.449	1.303.519




Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



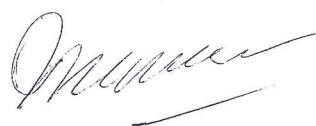

Trương Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 07 năm 2014

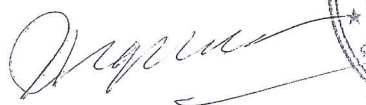
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng	1		220.380.357.448	193.267.368.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	220.380.357.448	193.267.368.407
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	161.319.789.846	134.863.133.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		59.060.567.602	58.404.234.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.945.783.768	816.807.085
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	25	4.580.945.947	5.502.262.267
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			4.580.945.947	5.502.262.267
8. Chi phí bán hàng	24		8.562.729.176	6.761.290.139
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.194.399.934	13.923.626.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		33.668.276.313	33.033.863.143
11. Thu nhập khác	31		970.568.590	5.356.662.390
12. Chi phí khác	32		37.363.733	44.125.848
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	26	933.204.857	5.312.536.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.601.481.170	38.346.399.685
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	8.650.370.293	9.586.599.921
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		25.951.110.877	28.759.799.764



Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Trương Thị Đình
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 07 năm 2014

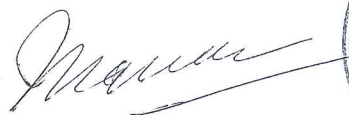
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số	
		Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	217.737.721.496	194.746.786.624
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(159.347.664.065)	(108.183.161.227)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(22.351.709.646)	(24.254.558.377)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(5.011.772.170)	(5.633.227.792)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(11.564.498.980)	(6.104.812.024)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	349.104.930	9.332.479.165
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(10.271.654.050)	(49.816.755.425)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>9.539.527.515</i>	<i>10.086.750.944</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.069.440.389)	(708.158.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	998.000.000	274.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.209.923.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.209.923.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.945.780.838	811.038.269
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(6.125.659.551)</i>	<i>377.334.633</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.898.175.900	32.139.048.671
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.074.327.458)	(15.343.531.690)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(5.075.786.628)	(10.151.573.256)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(23.251.938.186)</i>	<i>6.643.943.725</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(19.838.070.222)	17.108.029.302
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	34.365.395.284	17.257.365.982
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.527.325.062	34.365.395.284

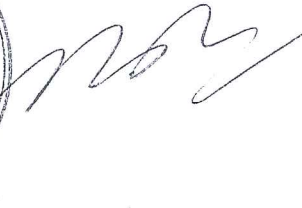


Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kê toán trưởng




Trương Thị Đình
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In Tài chính trước đây là Công ty In Tài chính được thành lập theo Quyết định số 240TC/TCCB ngày 27 tháng 4 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ tài chính với tên gọi ban đầu là Nhà In Tài chính, sau đó đổi tên là Công ty In Tài chính theo Quyết định số 925TC/TCCB ngày 17 tháng 8 năm 1995 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi từ DNNN sang Công ty TNHH MTV và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100111225 ngày 18/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV In Tài Chính.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 110.678.497.224 đồng và 6.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 24 ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2013 là 168 người (tại ngày 31/12/2012 là 245 người).

Ngành nghề kinh doanh:

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Bán buôn máy in, giấy các loại;
- Bán buôn kềm thành phẩm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Công ty đang thực hiện khấu hao nhanh với một số máy móc thiết bị so với khung khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao tương ứng với thời gian thuê tài sản là từ 03 - 07 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất tại Lô 3-16 đường số 13, KCN Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Các tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao lần lượt là 03 năm và 38 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đang ghi nhận doanh thu đối với hoạt động in tem thuốc lá, tem rượu trên cơ sở biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên. Theo đó, hàng năm một vài lô hàng được xuất kho vào cuối năm nay (chưa có được biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên) sẽ được ghi nhận doanh thu vào năm sau trong ứng. Việc ghi nhận này được tính gộp đầu từ các năm trước.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận trên cơ sở (i) Tổng chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm trừ (-) đi (ii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (theo giá trị của số lượng nguyên vật liệu trực tiếp đã xuất sử dụng nhưng tồn kho dở dang) và (iii) Giá trị thành phẩm tồn kho chưa nghiệm thu bàn giao với khách hàng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, chính sách ghi nhận giá vốn như đã nêu trên là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	347.969.957	361.675.322
Tiền gửi ngân hàng	11.179.355.105	13.503.719.962
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	20.500.000.000
	<u>14.527.325.062</u>	<u>34.365.395.284</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng cục thuế Hà Nội	21.699.955.310	10.574.630.000
Ban quản lý dự án mô hình trường học mới tại Việt Nam	5.306.982.054	-
Công ty Cổ Phần VTC Truyền thông trực tuyến	1.268.348.000	1.075.287.246
Cục Thuế Thành phố Hà Nội	1.267.200.000	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	694.980.000	685.649.250
Cục Thuế thành Phố Hồ Chí Minh	616.000.000	1.358.450.000
Công ty TNHH Dệt Tân Mai	588.378.232	499.940.782
Tạp chí Pháp lý	358.135.770	424.309.233
Công ty TNHH Thiết bị giáo dục và đồ chơi Tràng	299.211.826	403.914.080
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	263.670.000	538.927.400
Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn	3.339.600	550.187.000
Các đối tượng khác	13.391.929.260	8.995.758.197
	<u>45.758.130.052</u>	<u>25.107.053.188</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Việt Đức	910.483.200	-
Công ty CP Sản xuất và Phát triển Công nghiệp Hà Nội	776.625.204	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Việt Anh	-	8.611.671.500
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Toàn Ấn	-	753.331.637
Công ty CP tư vấn Đầu tư và phát triển kiến trúc I.DA	159.489.900	159.489.900
Các đối tượng khác	282.226.562	331.928.562
	<u>2.128.824.866</u>	<u>9.856.421.599</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	4.813.235.513	-
Thuế GTGT chưa xuất hóa đơn	21.878.256	-
Phải thu tiền đặt vé máy bay	372.315.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	17.711.121	49.999.895
Phải thu khác	28.000.000	76.328.143
	5.253.139.890	126.328.038

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	24.296.822.550	24.938.881.094
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.336.640.763	544.207.000
Thành phẩm	1.546.403.673	-
Hàng hóa	49.938.900	9.600.000
Cộng	30.229.805.886	25.492.688.094
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	30.229.805.886	25.492.688.094

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	44.928.816.628	178.535.749.058	4.903.812.840	7.747.692.060	236.116.070.586
Mua sắm mới	256.571.429	1.017.862.795	13.543.636	-	1.287.977.860
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	7.843.485.457	38.209.782.255	-	1.603.746.923	47.657.014.635
Tăng khác (i)	-	325.193.636	-	-	325.193.636
Giảm do thanh lý, nhượng	-	(9.515.489.517)	(247.656.000)	(613.050.244)	(10.376.195.761)
Giảm do phân loại lại (ii)	-	(694.353.904)	(27.339.136)	(860.658.718)	(1.582.351.758)
Tại ngày 31/12/2013	53.028.873.514	207.878.744.323	4.642.361.340	7.877.730.021	273.427.709.198
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	29.406.364.115	157.143.707.023	3.887.699.054	6.083.799.573	196.521.569.765
Khấu hao trong năm	2.864.733.271	13.251.586.794	556.280.591	834.024.780	17.506.625.436
Tăng khác (i)	-	26.728.244	-	-	26.728.244
Giảm do thanh lý, nhượng	-	(9.515.489.517)	(247.656.000)	(613.050.244)	(10.376.195.761)
Giảm do phân loại lại (ii)	-	(636.261.407)	(13.795.500)	(732.271.345)	(1.382.328.252)
Tại ngày 31/12/2013	32.271.097.386	160.270.271.137	4.182.528.145	5.572.502.764	202.296.399.432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	15.522.452.513	21.392.042.035	1.016.113.786	1.663.892.487	39.594.500.821
Tại ngày 31/12/2013	20.757.776.128	47.608.473.186	459.833.195	2.305.227.257	71.131.309.766

(i) Tăng do đầu tư nâng cấp Trạm biến áp 630KVA-EDI.

(ii) Phân loại lại các tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 155.892.839.703 đồng (tại 31/12/2012 là 156.000.862.630 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản mang đi thế chấp ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là 5.451.897.292 đồng (tại 31/12/2012 là 8.371.055.536 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình của nhà văn phòng chi nhánh tại số 132, đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 11.200.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cơ sở nhà xưởng gắn liền với quyền sử dụng đất số 05/HĐKT ngày 01/06/2001 với Bộ Quốc Phòng. Theo đó, Công ty chưa tách riêng giá trị quyền sử dụng đất để trình bày trên tài sản cố định vô hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu nhà cửa vật kiến trúc.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	75.329.291.978	75.329.291.978
Tại ngày 31/12/2013	75.329.291.978	75.329.291.978
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	51.346.598.890	51.346.598.890
Khấu hao trong năm	7.379.292.000	7.379.292.000
Tại ngày 31/12/2013	58.725.890.890	58.725.890.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	23.982.693.088	23.982.693.088
Tại ngày 31/12/2013	16.603.401.088	16.603.401.088

Nguyên giá của những tài sản cố định thuê tài chính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 23.674.253.890 đồng (tại 31/12/2012 là 23.674.253.890 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dung đất (i)	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	22.393.194.647	2.127.654.614	24.520.849.261
Tại ngày 31/12/2013	22.393.194.647	2.127.654.614	24.520.849.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.357.178.385	2.116.377.467	4.473.555.852
Khấu hao trong năm	589.294.596	7.122.396	596.416.992
Tại ngày 31/12/2013	2.946.472.981	2.123.499.863	5.069.972.844
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	20.036.016.262	11.277.147	20.047.293.409
Tại ngày 31/12/2013	19.446.721.666	4.154.751	19.450.876.417

(i) Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất (theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 đồng. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại KCN Tân Bình đến ngày 17/6/2047.

Nguyên giá của những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 2.092.042.614 đồng (tại 31/12/2012 là 2.092.042.614 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	8.748.754.798	7.201.407.423
Tăng trong năm	39.693.529.178	4.760.636.993
Kết chuyển sang tài sản cố định	(47.657.014.635)	-
Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn	-	(3.213.289.618)
Giảm khác	(509.237.251)	-
Tại ngày 31 tháng 12	276.032.090	8.748.754.798

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (i)	11.249.826.999	14.018.692.881
Vay dài hạn đến hạn trả	5.555.544.912	2.390.780.506
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.613.679.951	10.151.573.256
	24.419.051.862	26.561.046.643

- (i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thăng Long bởi hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTDHM ngày 05/06/2013. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 15.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 30 tháng 04 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, và các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xí nghiệp giấy XZ 72	493.719.380	2.769.365.041
Chi nhánh công ty TNHH TMDV Vũ Hoàng Minh tại Hà Nội	3.839.419.408	-
DNTN Sản xuất Thương mại Phùng Vĩnh Hưng	2.340.650.620	1.855.239.364
Công ty TNHH XNK Thuận Phát	1.147.034.654	1.298.244.407
Công ty Cổ phần DIC số 4	1.266.023.814	1.266.023.814
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	-	610.810.047
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển công nghệ	787.911.647	508.692.030
Công ty TNHH Công nghiệp giấy và sản xuất bao bì Ngọc Diệp	477.244.373	336.355.125
Các đối tượng khác	3.013.196.787	2.736.833.834
	13.365.200.683	11.381.563.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng cục thuế Hà Nội - Hợp đồng 1700/2012	-	692.175.000
Các đối tượng khác	1.222.493.395	1.385.036.731
	<u>1.222.493.395</u>	<u>2.077.211.731</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	851.960.231	190.237.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.760.305.255	7.391.018.932
Thuế thu nhập cá nhân	22.065.179	75.083.163
Các loại thuế khác	3.946.000	4.831.000
	<u>5.638.276.665</u>	<u>7.661.170.387</u>

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là các khoản nhận tiền ký quỹ ký cược dài hạn về việc cho thuê nhà tại số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh và cho thuê nhà xưởng ở KCN Tân Bình của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vĩnh Hưng và Công ty Truyền thông trực tuyến với số tiền lần lượt là 406.718.700 đồng và 740.160.000 đồng.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH một thành viên cho thuê Tài chính-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	7.613.679.951
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Nam Hà Nội (ii)	15.277.785.088	5.423.843.644
	<u>15.277.785.088</u>	<u>13.037.523.595</u>

- (i) Nợ dài hạn thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số 18/08/2005/CTTC ngày 15/05/2008. Thời gian thuê từ ngày 07/8/2008 đến ngày 15/8/2014 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; tài sản thuê là 01 máy in offset năm màu và 01 máy in offset tờ rời; Trị giá gốc tính cho thuê bằng 90% tổng giá trị tài sản tương đương 2.565.720 EUR; Thời hạn cho thuê 6 năm từ ngày bên thuê chuyển khoản tiền đầu tiên cho nhà cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ gốc; Lãi cho thuê được tính từ ngày Bên thuê trả khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp và được tính trên số tiền thực trả; Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,2%/tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.613.679.951	10.151.573.256
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	7.613.679.951
Sau năm năm	-	-
	<u>7.613.679.951</u>	<u>17.765.253.207</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.613.679.951	10.151.573.256
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>7.613.679.951</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (ii) Tại ngày 07 tháng 09 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội với số tiền 25.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng 1 lần bắt đầu từ tháng 06 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ và được trả hàng quý. Công ty sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty rút vốn với tổng số tiền 25.000.000.000 VND (31 tháng 12 năm 2012: 6.101.824.100 VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.555.544.912	677.980.456
Trong năm thứ hai	5.555.544.912	1.355.960.912
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.722.240.176	4.067.882.732
Sau năm năm	-	-
	<u>20.833.330.000</u>	<u>6.101.824.100</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>5.555.544.912</u>	<u>677.980.456</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.277.785.088</u>	<u>5.423.843.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09 - DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	78.476.878.364	4.793.455.332	8.675.758.831	72.825.000	1.083.319.070	93.102.236.597
Lãi trong năm	-	-	-	-	28.759.799.764	28.759.799.764
Phân phối lợi nhuận trong năm	17.181.620.573	2.538.776.771	2.980.175.980	-	(27.759.235.054)	(5.058.661.730)
Số dư tại ngày 01/01/2013	95.658.498.937	7.332.232.103	11.655.934.811	72.825.000	2.083.883.780	116.803.374.631
Lãi trong năm	-	-	-	-	25.951.110.877	25.951.110.877
Phân phối lợi nhuận trong năm (i)	15.019.998.287	4.333.684.624	2.595.387.742	-	(26.210.095.667)	(4.261.025.014)
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	289.063.004	289.063.004
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	(725.688.971)	(725.688.971)
Số dư tại ngày 31/12/2013	110.678.497.224	11.665.916.727	14.251.322.553	72.825.000	1.388.273.023	138.056.834.527

(i) Theo Thông tư số 138/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ tài chính, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 4.333.684.623 đồng, Quỹ dự phòng tài chính là 2.595.387.742 đồng, Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 4.161.025.015 đồng, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 100.000.000 đồng và tăng vốn kinh doanh là 15.019.998.287 đồng.

(ii) Tăng khác trong năm gồm:

- Điều chỉnh tăng khoản chi phí trả trước dài hạn đã trích vượt thời gian phân bổ trong năm 2012 theo biên bản thanh tra Thuế ngày 14/08/2013 với số tiền 289.063.004 đồng;

(iii) Giảm khác trong năm là các khoản phải nộp về truy thu và phạt thuế của các năm trước theo Quyết định của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111225 ngày 18/10/2010 vốn điều lệ của Công ty là 74.808.000.000 đồng do Bộ tài chính là chủ sở hữu. Theo Thông tư số 138/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ tài chính, Vốn điều lệ được bổ sung từ lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD	Vốn đã góp	
	VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn Nhà nước-Bộ Tài chính	74.808.000.000	110.678.497.224	95.658.498.937

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	213.705.939.403
Doanh thu hoạt động khác	6.674.418.045	3.704.086.884
	220.380.357.448	193.267.368.407

(i) Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đang ghi nhận doanh thu đối với hoạt động in tem thuốc lá, tem rượu trên cơ sở biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên. Theo đó, hàng năm một vài lô hàng được xuất kho vào cuối năm nay (chưa có được biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên) sẽ được ghi nhận doanh thu vào năm sau tương ứng. Vì vậy, trong doanh thu cung cấp dịch vụ năm nay bao gồm phần doanh thu in tem thuốc lá đã được kết chuyển giá vốn từ năm trước đồng thời chưa bao gồm phần doanh thu in tem rượu đã bàn giao trong năm nhưng cuối năm chưa được nghiệm thu và ghi nhận doanh thu.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	159.692.566.535
Giá vốn hoạt động khác	1.627.223.311	550.750.040
	161.319.789.846	134.863.133.766

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.213.762.001
Chi phí nhân công	21.497.472.130	26.975.384.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.359.231.563	23.135.751.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.065.705.548	12.593.875.583
Chi phí khác bằng tiền	4.611.563.074	14.439.995.543
	121.747.734.316	155.304.826.312

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	1.945.783.768
	1.945.783.768	816.807.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	4.580.945.947	5.502.262.267
	<u>4.580.945.947</u>	<u>5.502.262.267</u>

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	968.204.954	272.727.273
Thu từ bán phế liệu	1.363.636	317.912.432
Hoàn nhập quỹ dự trữ mất việc làm	-	2.243.640.585
Hoàn nhập chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	2.500.000.000
Thu khác	1.000.000	22.382.100
Thu nhập khác	<u>970.568.590</u>	<u>5.356.662.390</u>
Chi phí khác	37.363.733	44.125.848
Chi phí khác	<u>37.363.733</u>	<u>44.125.848</u>
Lợi nhuận khác	<u>933.204.857</u>	<u>5.312.536.542</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	34.601.481.170	38.346.399.685
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	34.601.481.170	38.346.399.685
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>8.650.370.293</u>	<u>9.586.599.921</u>

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương, thu nhập khác	1.559.992.052	1.599.743.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	39.696.836.950	39.598.570.238
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	14.527.325.062	34.365.395.284
Nợ thuần	25.169.511.888	5.233.174.954
Vốn chủ sở hữu	138.056.834.527	116.803.374.631
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,18	0,04

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.527.325.062	34.365.395.284
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.147.933.295	33.097.641.312
Tài sản ngắn hạn khác	211.479.880	172.684.598
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	65.986.738.237	67.735.721.194
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	24.419.051.862	26.561.046.643
Phải trả người bán và phải trả khác	13.657.546.164	11.704.193.540
Chi phí phải trả	152.572.598	333.986.761
Cộng	38.229.170.624	38.599.226.944

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo độ, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính			
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.527.325.062	-	14.527.325.062
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.147.933.295	-	51.147.933.295
Tài sản ngắn hạn khác	211.479.880	-	211.479.880
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-	100.000.000
Tổng tài sản tài chính	<u>65.675.258.357</u>	-	<u>65.675.258.357</u>
Công nợ tài chính			
Tại ngày 31/12/2013			
Vay ngắn hạn và dài hạn	11.249.826.999	18.593.068.507	29.842.895.506
Phải trả người bán và phải trả khác	13.657.546.164	-	13.657.546.164
Chi phí phải trả	152.572.598	-	152.572.598
Tổng nợ tài chính	<u>25.059.945.761</u>	<u>18.593.068.507</u>	<u>43.653.014.268</u>
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	<u>40.615.312.596</u>	<u>(18.593.068.507)</u>	<u>22.022.244.089</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.365.395.284	-	34.365.395.284
Các khoản phải thu ngắn hạn	33.097.641.312		33.097.641.312
Tài sản ngắn hạn khác	172.684.598		172.684.598
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-	100.000.000
Tổng tài sản tài chính	67.635.721.194	-	67.635.721.194
Công nợ tài chính			
Tại ngày 01/01/2013			
Vay ngắn hạn và dài hạn	14.018.692.881	25.579.877.357	39.598.570.238
Phải trả người bán và phải trả khác	11.704.193.540	-	11.704.193.540
Chi phí phải trả	333.986.761	-	333.986.761
Tổng nợ tài chính	26.056.873.182	25.579.877.357	51.636.750.539
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	41.578.848.012	(25.579.877.357)	15.998.970.655

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

30. CHI PHÍ VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2013, Công ty có thực hiện tạm trích quỹ lương theo Công văn số 348/BTC-TCDN ngày 27/12/2012 quy định về tỷ lệ trích lương trong năm 2012 là 11,04% trên tổng doanh thu mà chưa có quyết định cụ thể về việc trích quỹ lương trong năm 2013. Quỹ tiền lương năm 2013 có thể sẽ thay đổi theo các quyết định ban hành trong thời gian tới, do đó có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến ảnh hưởng này trên báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

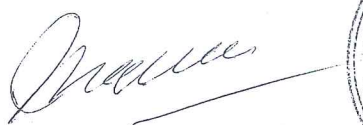
Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.




Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu
Ngày 04 tháng 07 năm 2014



Nguyễn Văn Quang
Kê toán trưởng




Trương Thị Định
Tổng Giám đốc